

Bản án số 142/2019/HSST
Ngày 20 tháng 9 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Biên và bà Hoàng Thị Hồng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Hoàng Văn Đình- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 131/2019/HSST ngày 23/8/2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2019/HSST-QĐ ngày 09/9/2019 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Văn D, sinh năm 1998.

- Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

- Nơi đăng ký HKTT: Xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

- Chỗ ở hiện nay: Số nhà 279, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không;

- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12.

- Họ và tên bố: Bùi Văn L, sinh năm 1975.

- Họ và tên mẹ: Bùi Thị N, sinh năm 1978.

- Gia đình có 02 anh em, bản thân là thứ 1.

- Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/5/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (có mặt tại phiên tòa).

** Người bị hại:*

- Anh Bùi Văn C, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

- Chị Trương Thị G, sinh năm 2002. (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của chị G là bà Bùi Thị H (là mẹ đẻ của chị G) sinh năm 1976. (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Phan Trọng Đ, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số nhà 277, đường T, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

- Chị Dương Hồng T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số nhà 48, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

** Người làm chứng:*

- Chị Bùi Lệ Q, sinh năm 2003. Địa chỉ xóm C, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của chị Q là bà Bùi Thị C (là mẹ đẻ của chị Q) sinh năm 1983. (vắng mặt).

- Anh Hoàng Văn Đ sinh năm 1998. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn D, sinh năm 1998 ở xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình, hiện đang tạm trú ở số nhà 279, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Đầu tháng 4/2019, D thuê nhà số 48, đường Phạm Liêu, phường X, thành phố B cho một số nhân viên nữ ở để phục vụ các quán hát karaoke trên địa bàn thành phố B. Trong thời gian này, D liên hệ với người quản lý các quán hát trên địa bàn thành phố B để khi khách đến hát có nhu cầu cần nhân viên nữ đến phòng hát phục vụ việc rót bia, chọn bài hoặc hát cùng khách thì gọi cho D đưa nhân viên đến. Giá thỏa thuận đối với mỗi nhân viên phục vụ là 150.000 đồng/1 giờ. D đảm bảo việc ăn ở, sinh hoạt hàng ngày cho nhân viên, tiền công quán hát trả cho nhân viên thì D và nhân viên chia đôi. D sử dụng Phan Trọng Đ, sinh năm 1986 ở số nhà 277, đường T, phường X là người có nhiệm vụ đưa đón các nhân viên đến các quán hát và Dương Hồng T, sinh năm 1995 ở số nhà 48, phường X, thành phố B là người nấu cơm. Ngày 01/5/2019, D nhận chị Trương Thị G, sinh năm 2002 ở xóm B, xã Đ, huyện L, tỉnh Hòa Bình làm nhân viên. Trước khi làm nhân viên cho D, chị G làm nhân viên cho anh Bùi Văn C, sinh năm 1992 ở Khu 2, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian làm nhân viên cho D, chị G rủ hai nhân viên khác của D là chị Bùi Lệ Q, sinh năm 2003 ở xóm C, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình và chị Quách Thị Hồng N, sinh năm 2003 ở xóm C, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình đến làm nhân viên cho anh C. Ngày 04/5/2019, D phát hiện việc chị G rủ chị Q, chị H đến làm nhân viên cho anh C nên D dùng tay vỗ 02 cái và dùng thắt lưng da vụt 02 cái vào lưng chị G. Do bị D đánh nên chị G không đi làm nhân viên theo yêu cầu của D. Ngày 05/5/2019, do có mâu thuẫn với chị G và biết việc chị G rủ nhân viên của D nghỉ việc để đến làm cho anh C nên Dương Hồng T đã dùng chân tay không đánh vào người chị G. Ngày 06/5/2019, chị G xin D cho chị nghỉ làm để chị đi làm ở chỗ khác. D yêu cầu chị G phải đưa đủ cho D số tiền

6.000.000 đồng thì D mới cho chị G nghỉ làm. Ngày 07/5/2019, chị G nói cho anh C biết việc chị G bị D đánh và phải mất tiền chuộc thì chị G mới về làm cho anh C. Do cần nhân viên làm và sợ chị G bị đánh nên anh C đồng ý chuộc chị G. Cùng ngày chị G nói với D “Ngày mai anh em mang tiền lên thì em được về chứ”, D trả lời chị G là “Cứ trả đủ tiền thì em về”. Sáng ngày 08/5/2019, anh C điện thoại cho D nói chuyện về việc anh C xin chuộc chị G. D nói với anh C “Cái G ở đây chi phí hết 5 triệu, tôi phạt ông 6 triệu, trả xong thì ông đón nó về”. Anh C đồng ý yêu cầu của D và hẹn chiều cùng ngày sẽ gặp D ở quán nước gần bể bơi trên đường T, phường T, thành phố B. Khoảng 15 giờ cùng ngày 08/5/2019, D cùng Phan Trọng Đ đến quán nước ở gần bể bơi trên đường T, phường T, thành phố B để gặp anh C. Gặp D, anh C hỏi D là G đâu, D yêu cầu anh C giao tiền cho D thì mới cho G gặp anh C. Anh C yêu cầu D cho anh C gặp G thì anh C mới giao tiền cho D. Thấy vậy, D bảo Đức về nhà đón G ra gặp anh C, Đ đồng ý. Khi Đ vừa ra khỏi quán nước thì anh C đưa cho D số tiền 6.000.000 đồng, D cầm tiền cất vào trong túi đeo trên người. Khi D vừa cất tiền vào túi thì bị Công an thành phố B bắt quả tang, thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu đen có số Imei 1 là 863197045352622, số Imei 2 là 863197045352630; 01 chiếc túi đeo chéo bằng da màu đen, thân túi có chữ LEBAILU, phần dây đeo có chữ JING PIN PI JU bên trong có số tiền 6.000.000 đồng.

Cùng ngày 08/5/2019, anh Bùi Văn C và chị Trương Thị G có đơn trình báo Công an thành phố B.

Đối với Dương Hồng T và Phan Trọng Đ không biết việc Bùi Văn D có hành vi chiếm đoạt tiền của anh C nên không xem xét xử lý với vai trò là đồng phạm về hành vi “Cưỡng đoạt tài sản”.

Đối với hành vi của Bùi Văn D và Dương Hồng T đã đánh chị G nhưng chị G không bị thương tích gì, không có yêu cầu, đề nghị gì. Ngày 02/8/2019, Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác theo quy định tại Nghị định số 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ đối với D và Thúy.

Ngày 21/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Bùi Văn C số tiền 6.000.000 đồng. Anh C, chị G không yêu cầu Bùi Văn D bồi thường gì khác.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu đen có số Imei 1 là 863197045352622, số Imei 2 là 863197045352630; 01 chiếc túi đeo chéo bằng da màu đen, thân túi có chữ LEBAILU, phần dây đeo có chữ JING PIN PI JU được nhập kho vật chứng để xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn D đã khai nhận hành vi phạm tội.

Bản cáo trạng số 135/CT-VKS ngày 22/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố Bùi Văn D về tội "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn D từ 16 tháng đến 19 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 32 tháng đến 38 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, Giao bị cáo Bùi Văn D cho UBND xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

***Về xử lý vật chứng:**

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu đen có số Imei 1 là 863197045352622, số Imei 2 là 863197045352630 do sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi đeo chéo bằng da màu đen, thân túi có chữ LEBAILU, phần dây đeo có chữ JING PIN PI JU do không còn giá trị sử dụng, bị cáo đề nghị tiêu hủy.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326 của UBTVQH buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 06/5/2019 đến ngày 08/5/2019, Bùi Văn D có hành vi dùng lời nói đe dọa, uy hiếp tinh thần chị Trương Thị G, sinh năm 2002 ở xóm B, xã Đ, huyện L, tỉnh Hòa Bình và anh Bùi Văn C, sinh năm 1992 ở Khu 2, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhằm chiếm đoạt tiền của anh C và chị G. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 08/5/2019, tại quán nước ở gần bể bơi trên đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, Bùi Văn D đang có hành vi cưỡng đoạt số tiền 6.000.000 đồng của anh C thì bị Công an thành phố B bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Viện

kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo khoản, điều luật như trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, việc chiếm đoạt tài sản của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và quyền nhân thân của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương.

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thì thấy:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo nhất thời phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có hai tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Về vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu đen có số Imei 1 là 863197045352622, số Imei 2 là 863197045352630 do sử dụng vào việc phạm tội:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi đeo chéo bằng da màu đen, thân túi có chữ LEBAILU, phần dây đeo có chữ JING PIN PI JU do không còn giá trị sử dụng.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo không nghề nghiệp ổn định, không có điều kiện kinh tế để đảm bảo thi hành án nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn D phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản"

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn D 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Tuấn Đạo, huyện L, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trả tự do cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về tội khác.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể

quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu đen có số Imei 1 là 863197045352622, số Imei 2 là 863197045352630

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi đeo chéo bằng da màu đen, thân túi có chữ LEBAILU, phần dây đeo có chữ JING PIN PI JU.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, buộc bị cáo D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND TP B.
- Công an TP B.
- Chi cục THADS TPB.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường